**NHỮNG TRỞ NGẠI TRONG VIỆC ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY PBL CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KẾ TOÁN KIỂM TOÁN CHUẨN PSU**

Ths. Nguyễn Thị Kim Hương, Ths. Hoàng Anh Thư

**Tóm tắt**

Đổi mới giảng dạy theo phương pháp PBL (Problem based learning) đã được triển khai thực hiện trong chương trình giảng dạy chuyên ngành kế toán kiểm toán chuẩn PSU tại khoa Đào Tạo quốc tế trong thời gian qua. Tuy nhiên, việc áp dụng PBL trong giảng dạy đã gặp không ít những khó khăn phức tạp. Những khó khăn đó là: quản lý sự thay đổi về thái độ và suy nghĩ của giảng viên theo phương pháp giảng dạy mới, khoảng cách giữa năng lực của sinh viên và các tài liệu chuyển giao, giảng viên và sinh viên chưa nhận thức được giá trị của việc giảng dạy theo phương pháp PBL. Mặc dù thống kê cho thấy hiệu quả học tập của sinh viên đã được cải thiện đáng kể nhưng sự thiếu hiểu biết về giá trị của phương pháp giảng dạy PBL đã khiến nhiều giảng viên và sinh viên không chấp nhận thực hiện phương pháp giảng dạy này. Nhân thức được những trở ngại này và tìm cách khắc phục chúng sẽ giúp chúng ta tích lũy kinh nghiệm cho việc giảng dạy và học tập được tốt hơn.

**Keywords**: PBL, Kế toán, nhận thức về PBL, quản lý sự thay đổi

# Mở đầu

Với mục tiêu thúc đẩy sự sáng tạo, tự chủ và linh hoạt trong học tập của sinh viên và trong giảng dạy của giảng viên (Kolmos, et al., 2007), khoa Đào tạo quốc tế đã áp dụng mô hình cho chương trình đào tạo kế toán kiểm toán chuẩn PSU. Phương pháp PBL đã nhanh chóng có những thành công nhất định trong một năm đầu tiên, nhưng trong hai năm còn lại dường như chương trình đã thất bại trong việc phát huy toàn diện những lợi ích của mô hình PBL. Lãnh đạo khoa và tổ bộ môn PSU cho rằng một số trở ngại về cấu trúc và văn hóa có thể là những lý do chính của vấn đề này, nhưng họ không biết chính xác những trở ngại đó là gì và mối quan hệ tương tác giữa chúng lên kết quả triển khai PBL như thế nào. Do đó, tìm hiểu những trở ngại đó đã trở thành một nhiệm vụ chính đối với lãnh đạo khoa và tổ bộ môn PSU.

Trước yêu cầu đó, nhóm nghiên cứu bao gồm cô Nguyễn Thị Kim Hương và cô Hoàng Anh Thư đã bắt tay vào tìm hiểu những vấn đề phát sinh trong việc giảng dạy theo phương pháp PBL ở chương trình đào tạo kế toán kiểm toán chuẩn PSU. Mục đích và động lực quan trọng nhất của việc nghiên cứu là xác định những trở ngại trong việc giảng dạy theo phương pháp PBL đối với sinh viên và giảng viên để từ đó tìm giải pháp khắc phục được những trở ngại này.

# Nội dung chính

# 2.1.Tổ chức giảng dạy PBL cho chương trình đào tạo kế toán kiểm toán chuẩn PSU tại khoa Đào tạo quốc tế

Xuất phát từ thực tế là mặc dù sinh viên đã học qua rất nhiều môn học nhưng họ thường không theo kịp và nắm bắt được tài liệu hoặc khi cần thiết họ không biết cách sử dụng những tài liệu này để giải quyết một số vấn đề cụ thể. Thậm chí, nhiều sinh viên với học lực trung bình không biết cách kết hợp các tài liệu đã học từ những môn học khác nhau để xây dựng cho mình những kỹ năng cần thiết. Một phần nguyên nhân của vấn đề này là do sinh viên đã quen với cách giáo dục truyền thống và giáo điều từ những bậc học dưới. Vì vậy, lãnh đạo khoa tin rằng nếu sinh viên được phát triển khả năng tư duy, học tập dựa trên vấn đề, sinh viên sẽ trở nên năng động và học tập hiệu quả hơn. Do đó, ngay khi nhà trường khởi xướng việc giảng dạy theo phương pháp PBL, lãnh đạo khoa đã cho triển khai phương pháp giảng dạy PBL vào chương trình đào tạo các chuyên ngành tại khoa. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp PBL không đòi hỏi phải các chuyên ngành đào tạo phải thiết kế lại toàn bộ cấu trúc chương trình giảng dạy. Thay vào đó, các giảng viên được khuyến khích cập nhật hồ sơ chuyên môn và vận dụng các phương pháp học tập tích cực, bổ sung các case study và các dự án nhỏ vào bài giảng.

Điểm khác biệt duy nhất và cũng là một phần yêu cầu của chương trình đào tạo, đó là chương trình giảng dạy này phải mang tính "quốc tế" và hầu hết các tài liệu học tập đều bằng ngôn ngữ tiếng Anh. Chương trình giảng dạy kế toán kiểm toán chuẩn PSU được chuyển giao trực tiếp từ Đại học bang Pennsylvania. Các môn học và tài liệu chuyển giao từ Đại học bang Pennsylvania đều được thiết kế và biên soạn theo định hướng PBL với nhiều bài tập dự án và các yêu cầu học tập tích cực. Tuy nhiên, khi triển khai giảng dạy không giống như định hướng ban đầu xuất phát từ một số nguyên nhân sau đây:

• Chỉ có 20% các môn học chuyển giao được giảng dạy trực tiếp bởi các giảng viên đến từ Penn State.

• Hầu hết các giảng viên dạy chương trình liên kết với Penn State đều có nền tảng học vấn ban đầu ở Việt Nam, châu Á hay châu Âu, chứ không phải Hoa Kỳ.

• Sinh viên đã bị ảnh hưởng bởi và quen với các phương pháp giáo dục lạc hậu ở các cấp học dưới.

• Sinh viên thường không có tính độc lập hoặc tư duy sáng tạo

• Tiếng Anh không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ của các giảng viên và sinh viên

• Giảng viên của khoa thường có xu hướng giải thích các vấn đề hoặc các chủ đề khó bằng tiếng Việt cho sinh viên.

Để bù đắp cho những thiếu sót trên, khoa Đào tạo quốc tế đã thực hiện một số biện pháp sau:

• Bổ sung thêm một số khóa học kỹ năng mềm cho sinh viên

• Sinh viên được học tiếng Anh tăng cường trong năm đầu

• 3 môn học theo dự án PBL được thiết kế riêng cho chương trình đào tạo kế toán kiểm toán chuẩn PSU đó là PSUACC 296, PSUACC 396 và PSUACC 496:

O **PSUACC 296**: Môn học dành cho sinh viên năm hai được thiết kế nhằm giới thiệu cho sinh viên phương pháp học tập tích cực PBL với cách tiếp cận là "learning by playing".

O **PSUACC 396**: Môn học này dành cho sinh viên năm thứ 3 được thiết kế dành riêng cho sinh viên chuyên ngành kế toán kiểm toán. Trong môn học này, sinh viên sẽ có cơ hội làm việc trên một dự án kế toán mô phỏng các hoạt động kế toán thực tế.

O **PSUACC 496**: Môn học này được thiết kế dành cho sinh viên năm cuối để giúp sinh viên chuẩn bị cho kỳ thực tập. Cấu trúc của môn học tương tự như PSUACC 396 ngoại trừ một sự khác biệt lớn, đó là các vấn đề được trình bày trong dự án là các vấn đề mở, không có đáp án đúng hay sai.

# 2.2 Những thành tựu đạt được từ việc áp dụng phương pháp giảng dạy PBL

Kết quả của việc áp dụng phương pháp giảng dạy được đánh giá trực tiếp vào các môn học dự án PSUACC 296, PSUACC 396 và PSUACC 496. Điều này được thực hiện trong khuôn khổ AUN (Asean University Network), theo đó quy định rằng ít nhất 80% sinh viên phải đạt được điểm tổng kết tối thiểu là 70% trong những môn học.

Bảng 1: Sinh viên có điểm tổng kết đạt trên 70% ở các môn PSUACC 296, PSUACC 396, PSUACC 496

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tỷ lệ sinh viên có điểm tổng kết môn đạt trên ≥70%* | ***Năm học*** | | |
| **Môn học** | **2012 - 2013** | **2013 – 2014** | **2014 – 2015** |
| PSUACC 296 | **82.5%** | **85.1%** | **86.0%** |
| PSUACC 396 | **76.3%** | **79.6%** | **83.5%** |
| PSUACC 496 | **82.7%** | **80.4%** | **84.1%** |

Theo bảng 1, hầu hết hơn 80% sinh viên đều đạt được điểm tổng kết trên 70% hoặc nhiều hơn ở hai môn còn lại. Tỷ lệ sinh viên đạt điểm tổng kết trên 70% có xu hướng ngày càng tăng qua các năm, điều này cho thấy các giảng viên đã trở nên thành thạo hơn trong việc triển khai giảng dạy theo phương pháp PBL và/hoặc các sinh viên đã được trang bị những kỹ năng học tập tích cực theo phương pháp PBL ngày một tốt hơn. Tất nhiên, những kết quả này còn rất hạn chế, và dựa trên nhận thức chủ quan của nhóm nghiên cứu.

Những lợi ích không thể phủ nhận từ phương pháp giảng dạy PBL: (1) các hoạt động học tập tích cực đã trở nên phổ biến hơn trong mỗi giờ học. (2) Thay đổi phương thức giảng dạy tập trung vào case study và bài tập tình huống. Phương pháp giảng dạy chuyển đổi từ lấy giảng viên làm trung tâm sang lấy sinh viên làm trung tâm, sinh viên được học các nguyên tắc kế toán và các chuẩn mực kế toán thông qua những ví dụ hoặc tình huống thực tế. (3) Ba môn học dự án PBL: PSUACC 296, PSUACC 396 và PSUACC 496 tăng dần mức độ tư duy phê phán, giải quyết vấn đề, quản lý dự án và làm việc theo nhóm. (4) Tạo ra một hiệu ứng tâm lý “tự hào” đặc biệt ở sinh viên năm 3 và năm 4 vì họ cảm thấy hãnh diện với dự án của nhóm mình. Tuy nhiên, vẫn còn có một số vấn đề đáng quan tâm. Cụ thể là: số lượng các nghiên cứu mới của giảng viên không tăng và sinh viên phàn nàn rằng họ không có nhiều sự lựa chọn giống như những gì đã hứa hẹn trong mô hình giảng dạy PBL và tin rằng những kiến thức mới mà họ thu nhận được từ chương trình này sẽ có lợi cho công việc tương lai của họ.

# 2.3 Phương pháp nghiên cứu và kết quả

## 2.3.1 Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành tìm hiểu, nghiên cứu những trở ngại đối với các giảng viên bằng cách tiến hành phỏng vấn và tiến hành lấy mẫu khảo sát 125 sinh viên năm thứ 4 đã học qua các môn học được dạy theo phương pháp PBL.

## 2.3.2 Kết quả và thảo luận

### 2.3.2.1.Những trở ngại trong việc áp dụng phương pháp PBL đối với giảng viên

Đối với câu hỏi: các giảng viên có nhận thức được vai trò của giảng viên trong phương pháp giảng dạy PBL hay không, các câu trả lời cho thấy các giảng viên dường như hiểu rất rõ về lý thuyết vai trò của họ là giúp sinh viên chịu trách nhiệm về việc học của mình, hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên nỗ lực trong quá trình học tập và đánh giá công bằng và chính xác sự tiến bộ của sinh viên. (Fullan, 2005).

Kết quả phỏng vấn cho thấy: 12/18 giảng viên vẫn tin rằng nhiệm vụ chính của họ là truyền đạt kiến ​​thức cho các sinh viên chứ không phải là tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tự học; 10/18 giảng viên vẫn đặt nặng nội dung học tập mà xem nhẹ quá trình học tập.

Giảng viên ghi nhận những điều họ đã làm tốt trong giảng dạy theo phương pháp PBL đó là (1) giúp sinh viên kết hợp những nguyên tắc kế toán trong lý thuyết với thực hành thực tế nhờ vào việc chuyển hướng đặt "vấn đề làm trung tâm" trong phương pháp giảng dạy, tiếp cận vấn đề theo hướng từ dưới lên (bottom-up), và (2) thúc đẩy khả năng tự suy nghĩ và thử nghiệm trong việc học kế toán và giảng viên không gặp khó khăn khi biên soạn các vấn đề hoặc case study. Điều duy nhất khiến các giảng viên than phiền đó là khó tìm sách tham khảo.

Trong bài viết này nhóm nghiên cứu chỉ tập trung trình bày những vấn đề lớn mà giảng viên chưa làm tốt khi triển khai giảng dạy theo phương pháp PBL. Trở ngại lớn đầu tiên đối với các giảng viên đó là cùng làm việc với đồng nghiệp để thiết kế lại đề cương và tài liệu môn học. Có đến 14/18 giảng viên cho rằng họ không gặp khó khăn gì khi chia sẻ tài liệu đối với đồng nghiệp. Một số khác cho rằng họ không có quyền sửa đổi những tài liệu để phù hợp với tình hình Việt Nam. Có thể do, các giảng viên thiếu “kiến thức về kế toán Mỹ và kế toán quốc tế” cũng như kinh nghiệp thực tiễn đã làm cho chất lượng giảng dạy chưa được tốt. Nhìn chung, các giảng viên cho rằng họ đã dành một lượng lớn thời gian và công sức cho việc áp dụng PBL. Trung bình mỗi giảng viên dành khoảng từ 8 đến 15 giờ mỗi tuần. Hầu hết các giảng viên cũng tin rằng nhìn chung việc áp dụng phương pháp PBL đã thành công. Tất cả 18/18 giảng viên đều cam kết dành thời gian và công sức để khắc phục tất cả những vấn đề còn lại.

### 2.3.2.2 Những trở ngại trong việc áp dụng phương pháp PBL đối với sinh viên

Khảo sát được thực hiện trên 125 sinh viên đã hoàn tất môn học PSUACC 496 và nhận được phản hồi từ 100% sinh viên.

Theo kết quả khảo sát về sự phù hợp giữa khả năng của sinh viên và nội dung chương trình đào tạo, có 76% sinh viên nhận xét rằng họ đã không có cơ hội để tìm hiểu bất kỳ kỹ năng mềm khi ở trường trung học. Tuy nhiên, có 40% sinh viên cho rằng các khóa học Nói và Viết chuyên nghiệp, tư duy phê phán và kỹ năng làm việc nhóm là quá chung chung, và không theo chuyên ngành kế toán kiểm toán. Các khóa học tiếng Anh bổ trợ đã không tỏ ra hữu hiệu vì có đến 46,4% ý kiến là trung lập và 28% ý kiến không đồng ý về việc dạy tiếng Anh bổ trợ đã giúp ích họ học tốt chương trình kế toán kiểm toán chuẩn PSU. Vì họ cho rằng tiếng Anh bổ trợ không học tiếng Anh chuyên ngành kế toán kiểm toán. 78,4% đồng ý rằng học tiếng Anh chuyên ngành kế toán trong môi trường tiếng Việt thì không dễ dàng.

Theo kết quả khảo sát về cách tiếp cận “vấn đề là trung tâm” trong chương trình đào tạo kế toán kiểm toán chuẩn PSU: Có 31,2% sinh viên cho rằng giảng viên có hiểu biết mọi thứ liên quan đến môn học. Tuy nhiên, có 30,4% người không đồng ý. Điều tương tự cũng xảy ra liên quan đến các vấn đề tài liệu tham khảo với 27,2% người đồng ý rằng các tài liệu tham khảo có nhiều ví dụ và case study thực tế hỗ trợ phương pháp giảng dạy PBL. Nhưng các ví dụ và case study trong tài liệu tham khảo chủ yếu của Mỹ chứ không phải của Việt Nam. Các vấn đề kế toán trình bày trong các bài tập và dự án (bao gồm cả ACC 496) có kết quả đóng và cố định. Từ kết quả khảo sát cho thấy một thực tế là các giảng viên đã đưa ra các vấn đề nghiên cứu cố định và có kết quả đóng để tiết kiệm thời gian và công sức trong phân loại và đánh giá sinh viên. Nhưng sinh viên lại cho rằng đây là cách tối ưu để học kế toán. Một số sinh viên phàn nàn rằng họ không có thời gian để nghiền ngẫm các tài liệu.

Theo kết quả khảo sát về hướng tiếp cận “sinh viên làm trung tâm” trong chương trình đào tạo kế toán kiểm toán chuẩn PSU cho thấy các giảng viên đã chuyển từ việc đánh giá sinh viên dựa vào các bài kiểm tra và thi cá nhân sang dựa vào sự tiến bộ của cá nhân và sự tương tác nhóm. Ngoài ra, 61,6% sinh viên nhận xét rằng hiện nay họ luôn luôn có thể tham khảo các tài liệu các môn học trước để hỗ trợ cho các dự án môn học hiện tại. Tuy nhiên, sinh viên cho rằng ở các giảng viên chưa có sự cân bằng giữa kiến ​​thức kế toán Việt Nam và quốc tế, 36% sinh viên không đồng ý và 35,2% sinh viên không có ý kiến về phát biểu “các giảng viên có kiến ​​thức vững chắc về kế toán Việt Nam, Mỹ và quốc tế. Các phản hồi thường gặp là các giảng viên với nền tảng học vấn từ nước ngoài không có kiến ​​thức tốt về kế toán Việt Nam. Tuy nhiên, hầu hết sinh viên (42,4%) lại có ý kiến rằng giảng viên có kiến ​​thức và kinh nghiệm thực tế tại doanh nghiệp.

Kết quả khảo sát sự hiểu biết và đánh giá đúng về PBL và chương trình đào tạo kế toán kiểm toán chuẩn PSU theo phương pháp PBL cho thấy, mặc dù đã có tới 44,8% sinh viên không tin rằng học kế toán Việt Nam và kế toán quốc tế cùng lúc sẽ có lợi về lâu dài, tuy nhiên, 45,6% sinh viên vẫn tin rằng việc học này sẽ đem lại hiệu quả lâu dài cho họ ở trong tương lai. Ngoài ra, phần lớn các sinh viên (62,4%) đánh giá cao PBL và đồng ý rằng phương pháp PBL giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập kế toán kế toán kiểm toán chuẩn PSU. Thông tin phản hồi từ sinh viên cho thấy đây là một dấu hiệu tốt chúng ta đã đi đúng hướng. Tuy nhiên vẫn còn một số hiểu lầm khi cho rằng phương pháp PBL chỉ là về học tập tích cực và học theo dự án, khi có tới 71,2% sinh viên đồng ý với phát biểu này.

# Kết luận

Việc áp dụng phương pháp giảng dạy PBL cho chương trình kế toán kiểm toán chuẩn PSU tại khoa Đào tạo quốc tế là một quá trình đòi hỏi nhiều nỗ lực trong quản lý sự thay đổi tâm lý và hoạt động của cả sinh viên và giảng viên. Xác định những khó khăn trở ngại của các giảng viên và sinh viên trong quá trình thay đổi phương pháp giảng dạy này có ý nghĩa rất quan trọng vì nó quyết định những hành động hoặc giải pháp tiếp theo. Đối với giảng viên, những trở ngại của họ có liên quan đến ấn tượng về sinh viên, những khó khăn trong hợp tác với đồng nghiệp, sự thiếu kiến ​​thức về chuẩn mực kế toán Mỹ và quốc tế, thiếu kinh nghiệm thực tiễn, và thiếu sự hiểu biết đúng đắn về phương pháp PBL. Đối với các sinh viên, những trở ngại chủ yếu bao gồm tiếng Anh chưa đủ thành thạo, nội dung học tập nặng vì bao gồm kế toán Việt Nam và quốc tế, thiếu những vấn đề kế toán mở, và nhận thức chưa đúng về mô hình PBL. Những nghiên cứu trong tương lai sẽ xem xét và đề xuất một số giải pháp. Năm học 2016-2017 nhóm nghiên cứu chúng tôi dự kiến thực hiện bài nghiên cứu đánh giá để đo lường chính xác mức độ thành công của phương pháp giảng dạy PBL cho đến nay.

# Tài liệu tham khảo

[1]Alarcao, Isable. 2007. Changing to project-based learning. *Management of Change: Implementation of Problem-Based and Project-Based Learning in Engineering*, 62-82.

[2]Barneveld, Angela Van and Strobel, Johannes. 2009. Problem-based learning: effectiveness, drivers, and implementation challenges. *Research on PBL Practice in Engineering Education,* 35-44.

[3]Bedard, Dnis, et al. 2007. Problem - and project-bades learning in engineering at the university of Sherbrooke: impact on Students' and Teachers's perceptions. *Management of Change: Implementation of Problem-Based and Project-Based Learning in Engineering,* 09-128.

[4]Biggs, J. 2003. *Teaching for quality learning at university.* s.l. : The Society for Research into Higher Education and Open University Press.

[5]Bowe, Brian. 2007. Managing the change from traditional teaching to problem-based learning in physics education. *Management of Change: Implementation of Problem-Based and Project-Based Learning in Engineering,* 83-91.

[6]Fullan, M. 2005. *Facilitator's guide: The moral imperative of school leadership.* Thousand Oaks : Corwin Press.

[7]Kolmos, Anette and Graaff, Erik De. 2007. Process of changing to PBL. *Management of Change: Implementation of Problem-Based and Project-Based Learning in Engineering,* 31-43.

[8]Kolmos, Anette, et al. 2008. *Facilitation in a PBL environment.* s.l. : Online publikation.

[9]Savin-Baden, Maggi. 2007. Challenging models and perspectives of problem-based learning. *Management of Change: Implementation of Problem-Based and Project-Based Learning in Engineering.,* 9-29.

[10]Woods, Donald R. 2007. Helping Students Gain the most from their PBL Experience. *Management of Change: Implementation of Problem-Based and Project-Based Learning in Engineering,* 181 - 195.